

THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SƯ PHẠM ỨNG DỤNG CỦA GIÁO VIÊN TIỂU HỌC Ở THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUYẾN*

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 15/11/2017; ngày duyệt đăng: 16/11/2017.

Abstract: This paper analyzes the current state of applied pedagogical research of primary teachers in Cao Lanh city, Dong Thap province through their management and teaching work. The results of the research will contribute to the establishment of practical basis for scientific research in general and applied pedagogical research in primary schools in particular. Meanwhile, it enables educational administrators to find out appropriate solutions for applied pedagogical research work in the city to improve the quality of primary education.

Keywords: Current, scientific research, applied pedagogical scientific research, teachers, primary teachers.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPUD) là một loại hình nghiên cứu trong giáo dục nhằm đem lại những giá trị mới, có sự ảnh hưởng tích cực đến chất lượng dạy học nói riêng và nâng cao chất lượng giáo dục nói chung. Xã hội biến đổi và bắt buộc người giáo viên (GV) phải thích ứng với những đổi mới đó. Để thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, đòi hỏi người GV ở mọi cấp học phải nghiên cứu khoa học để tự làm mới mình nhằm "...Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn..." [1]. Do vậy, chúng tôi nghiên cứu thực trạng NCKHSPUD các trường tiểu học ở TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục Tiểu học cho địa phương; giúp đề cán bộ quản lí giáo dục (QLGD) tìm ra các giải pháp phù hợp với thực tiễn của địa phương nhằm nâng cao chất lượng NCKHSPUD và chất lượng giáo dục tiểu học.

2. Nội dung

2.1. Mục tiêu, lợi ích của hoạt động NCKHSPUD đối với GV tiểu học

NCKHSPUD là một phần quan trọng trong quá trình phát triển chuyên môn của người GV và đội ngũ cán bộ QLGD. Nó bao gồm một chuỗi các hoạt động liên quan chặt chẽ với nhau, diễn ra trong quá trình dạy và học; luôn luôn thay đổi. Các tình huống sư phạm diễn ra trong quá trình dạy và học luôn có những diễn biến và mức độ phức tạp khác nhau. Chính vì vậy, người GV cần phải đầu tư và nghiên cứu.

NCKHSPUD nhằm phát triển tính sáng tạo trong hoạt động dạy và học (GV tự học); Nắm vững những thành tựu mới nhất của khoa học kĩ thuật để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tích lũy tri thức; Thích ứng nhanh những thay đổi của môi trường, xã hội; Tự hiểu mình để xác định được mục tiêu cần phấn đấu, nhằm đem lại lợi ích cho bản thân, tập thể nhà trường và xã hội.

NCKHSPUD phát triển tư duy của GV một cách hệ

thống theo hướng giải quyết vấn đề mang tính nghề nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển của nhà trường; Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề, đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác; Khuyến khích GV nhìn lại quá trình và tự đánh giá; Tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác QLGD; Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của GV. GV khi đã thực hiện NCKHSPUD nghĩa là GV sẽ tiếp cận phương pháp dạy học, chương trình dạy học một cách sáng tạo có sự phê phán một cách tích cực. Điều đó đem lại sự đổi mới từ trong tư duy của GV và sẽ ứng dụng vào trong thực tiễn công tác giảng dạy để điều chỉnh hoạt động dạy học ngày càng phù hợp với mỗi đối tượng học sinh (HS). Từ đó, sẽ đem lại chất lượng giáo dục như mong đợi.

2.2. Đánh giá về tầm quan trọng của hoạt động NCKHSPUD ở tiểu học

Trong bài viết này, chúng tôi chọn phương pháp dùng bảng hỏi và phỏng vấn cán bộ quản lí (13 người), GV đang trực tiếp giảng dạy (89 người) ở các trường tiểu học trên địa bàn TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 2/2017. Đối tượng khảo sát được đánh giá ở các hạng mức theo thang điểm trung bình. Cụ thể như sau:

- Từ 5,0 điểm đến 4,5 điểm: ở hạng mức tốt;
- Từ 4,4 điểm đến 4,0 điểm: ở hạng mức khá;
- Từ 3,9 điểm đến 3,0 điểm: ở hạng mức trung bình;
- Từ 2,9 điểm đến 2,0 điểm: ở hạng mức yếu;
- Và từ 1,9 điểm đến 1,0 điểm: ở hạng mức kém.

Thứ hạng bắt đầu từ 1 là cao nhất, các thứ hạng tiếp theo là thấp dần.

Phương pháp thống kê số liệu: trung bình chung tổng các điểm được đánh giá cho mỗi tiêu chí ứng với tổng số phiếu mà GV và cán bộ quản lí phản hồi. Các số liệu thống kê và biểu đồ được thực hiện trên ứng dụng Microsoft Office Excel. Thứ hạng được sắp xếp theo cột điểm trung bình chung, tính từ cao (cao nhất là 1) đến thấp (từ 2,3...). Ngoài

* Trường Đại học Đồng Tháp

ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp để làm rõ một số thông tin định lượng.

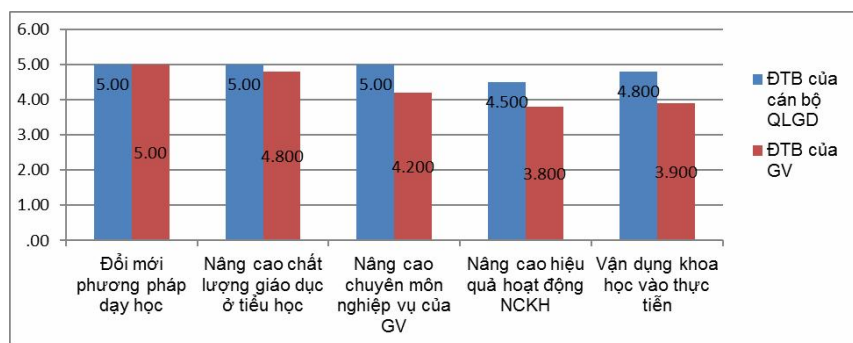
"NCKHSPUD hiện nay là xu thế chung của nghiên cứu khoa học (NCKH) GD ở thế kỉ XXI, đang được áp dụng nhiều nước trên thế giới. Nó không còn là hoạt động của những nhà khoa học mà còn là hoạt động thường niên của mỗi GV và cán bộ QLGD" [2; tr 88]. Qua khảo sát thực tiễn về đánh giá tầm quan trọng của hoạt động NCKHSPUD từ GV, cán bộ quản lí ở các trường tiểu học, chúng tôi thu được kết quả như sau (bảng 1):

Bảng 1. Tầm quan trọng của hoạt động NCKHSPUD ở trường tiểu học

STT	NCKHSPUD là cơ sở cho việc	Cán bộ quản lí		GV	
		ĐTB	TH	ĐTB	TH
1	Đổi mới phương pháp dạy học	5,0	1	5,0	1
2	Nâng cao chất lượng giáo dục ở tiểu học	5,0	1	4,8	3
3	Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của GV	5,0	3	4,2	1
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH	4,5	4	3,8	4
5	Vận dụng khoa học vào thực tiễn	4,8	5	3,9	5
Đánh giá chung		4,7		4,34	

(Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; TH: Thứ hạng)

Bảng 1 cho thấy, hoạt động NCKHSPUD ở trường tiểu học là rất quan trọng (được đánh giá ở mức khá trở lên). Đây là cơ sở cho các nhà QLGD tìm ra những giải pháp thích hợp với môi trường tiểu học, để tạo điều kiện cho tập thể GV trong nhà trường tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về NCKH và NCKHSPUD ở tiểu học. Có thể biểu diễn các số liệu ở bảng 1 bằng biểu đồ như sau (biểu đồ 1):



Biểu đồ 1. Tầm quan trọng của NCKHSPUD ở tiểu học

NCKHSPUD là để xây dựng nền tảng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp trong tập thể GV của nhà trường và đồng nghiệp. Vì vậy, nhà QLGD và người GV tiểu học nói riêng cần quan tâm đến hoạt động NCKHSPUD để làm nền tảng cho sự phát triển giáo dục, đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục nói chung.

Ngoài ra, NCKHSPUD làm nâng cao khả năng phản biện của người GV và tự làm mới mình trong hoạt động

giảng dạy. Đây là bước đầu làm thay đổi tư duy của người GV, là cơ sở để người GV bắt kịp với nhịp độ phát triển của xã hội.

2.3. Thực trạng NCKHSPUD thông qua công tác quản lí

Qua khảo sát thực tiễn chúng tôi đã làm rõ những thuận lợi và khó khăn khi cán bộ QLGD tiếp cận hoạt động NCKHSPUD. Kết quả cụ thể ở bảng 2 như sau:

Bảng 2. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động NCKHSPUD

TT	Nội dung	Thuận lợi		Khó khăn	
		ĐTB	TH	ĐTB	TH
1	Lập kế hoạch thực hiện NCKHSPUD	2,5	3	4,0	1
2	Tổ chức thực hiện NCKHSPUD	3,0	1	3,8	3
3	Chỉ đạo thực hiện NCKHSPUD	2,9	2	3,9	4
4	Kiểm tra, đánh giá NCKHSPUD	2,0	4	4,1	1
Đánh giá chung về NCKHSPUD		2,6		4,0	

Nhìn chung mức độ đánh giá các mặt thuận lợi dưới mức trung bình, khó khăn đạt ở mức độ trung bình khá đối với cán bộ quản lí. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những khó khăn như trên, đó là:

- Đa phần cán bộ QLGD thực hiện rất ít đề tài NCKHSPUD. Ngoài ra, công tác bồi dưỡng cán bộ quản lí được học đại cương về NCKH. Vì vậy, để tìm ra ý tưởng và khả năng cũng như sự nhạy bén khi tiếp cận với hoạt động NCKHSPUD ở tiểu học còn gặp nhiều khó khăn.

- Tại mỗi trường tiểu học cán bộ quản lí, GV gặp những khó khăn về cơ chế chính sách nên phần nhiều cán bộ quản lí chỉ tập trung cho công tác quản lí và chuyên môn.

- Cơ sở vật chất ở trường tiểu học cũng là một vấn đề khó khăn đối với hoạt động NCKHSPUD. Hoạt động này đòi hỏi có sự hỗ trợ của thiết bị vi tính, phần mềm thống kê, tính toán, lên sơ đồ minh họa...

- Công nghệ thông tin ngày càng phát triển và đổi mới liên tục nên việc cập nhật các phần mềm ứng dụng đối với cán bộ quản lí là vấn đề khó khăn tiếp theo nếu người cán bộ quản lí hạn chế về ngoại ngữ và tin học...

2.4. Thực trạng NCKHSPUD thông qua nhiệm vụ dạy học

Đối với GV trực tiếp giảng dạy thông qua quan sát để phát hiện vấn đề, tìm ra biện pháp tác động đến HS nhằm phát huy năng lực học tập của HS, kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm... Đó là ý tưởng cơ bản cho hoạt động NCKHSPUD. Qua khảo sát thực tiễn chúng tôi thu được kết quả như bảng 3.

Bảng 3. Những khó khăn khi GV tham gia hoạt động NCKHSPUD

TT	Nội dung	Khó khăn	
		ĐTB	TH
1	Sự am hiểu về NCKHSPUD ở tiểu học	4,5	1
2	Sự khác biệt về năng lực chuyên môn	4,1	2
3	Chưa có sự triển khai đồng bộ từ các cấp quản lí đến GV	3,8	5
4	Chưa có sự trải nghiệm về NCKHSPUD	4,0	3
5	NCKHSPUD là cơ sở để đổi mới phương pháp dạy học	3,5	4
Đánh giá chung		3,98	

Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy, GV tiểu học gặp nhiều khó khăn trong hoạt động NCKHSPUD. Xuất phát từ những nguyên nhân như sau:

1) Hạn chế về năng lực ngoại ngữ, tin học nên ngại tiếp cận với công nghệ, phần mềm ứng dụng hỗ trợ cho hoạt động NCKHSPUD.

2) GV chưa sẵn sàng để chuẩn bị cho hoạt động NCKHSPUD ở tiểu học thông qua hoạt động giảng dạy.

3) Độ khó của NCKHSPUD cao hơn một sáng kiến kinh nghiệm. Nên hầu hết các trường tiểu học chỉ dừng lại ở sáng kiến kinh nghiệm.

4) Chuyên môn và cách tiếp cận một nội dung mới ở mỗi GV là khác nhau nên sự đồng bộ để thực hiện NCKHSPUD là một khó khăn rất lớn.

5) Cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hoạt động NCKHSPUD ở các trường tiểu học chưa được hướng dẫn thực hiện phù hợp với từng địa phương.

6) GV chưa tìm ra động cơ tích cực khi tham gia hoạt động NCKHSPUD, chưa được truyền lửa một cách nhiệt tình để năng động, sáng tạo trong hoạt động NCKH cũng như NCKHSPUD.

Ngoài việc ngày 2 buổi đến trường và chuẩn bị kiến thức chuyên môn truyền thụ cho HS; kèm HS yếu kém; bồi dưỡng HS khá giỏi để tham dự các cuộc thi Toán, Tiếng Anh, Olympic... đồ dùng dạy học; kiểm tra; thanh tra sổ sách; giáo án..., GV tiểu học là những người rất "đa năng". Xét về quỹ thời gian của GV tiểu học cũng rất ít. Đây cũng là những khó khăn chung của GV tiểu học không riêng ở địa bàn TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.5. Một số đề xuất khắc phục thực trạng NCKHSPUD đối với GV tiểu học

Qua khảo sát thực trạng về NCKHSPUD ở các trường tiểu học, chúng tôi có một số đề xuất. Cụ thể như sau:

- **Đối với phòng GD-ĐT:**

+ Cần liên kết và phối hợp với các trường đại học để được bồi dưỡng chuyên đề NCKHSPUD cho GV tiểu học.

+ Nhắc nhở cán bộ quản lí các trường tiểu học triển khai nội dung bồi dưỡng chuyên đề NCKHSPUD đối với toàn thể GV trong nhà trường.

+ Khuyến khích GV thực hiện NCKHSPUD bằng cách khen thưởng và hỗ trợ kinh phí khi GV đăng kí thực hiện đề tài NCKH.

+ Cần thiết quy đổi thời gian (giờ) NCKHSPUD thành số giờ dạy học đối với GV dạy tiểu học.

- **Đối với hiệu trưởng nhà trường:**

+ Tạo điều kiện thuận lợi, đôn đốc cho tất cả GV tham gia bồi dưỡng chuyên đề NCKHSPUD.

+ Khuyến khích GV thực hiện NCKHSPUD thông qua hình thức khen thưởng vào mỗi năm học.

+ Cần phân công nhiệm vụ cho GV quản lí mảng NCKH trong nhà trường và tham gia hội thảo khoa học ở các trường học, sở, ban ngành có liên quan.

- **Đối với GV tiểu học:**

+ Cần thiết phải tự đổi mới tư duy trong hoạt động dạy học; Xem hoạt động NCKHSPUD là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình dạy học đối với mỗi GV. Bởi vì, NCKH giúp cho GV tự điều chỉnh bản thân về thái độ, hành vi, phương pháp, hình thức tổ chức lớp học... nhằm hướng tới mục tiêu và chất lượng giáo dục, đào tạo ở tiểu học.

+ Tự học, nghiên cứu trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ qua hoạt động NCKHSPUD, tham gia dự giờ đồng nghiệp...

+ Quản lí tốt vấn đề tự học của HS và biết kích thích HS tích cực học tập. Từ đó giúp cho người GV tìm ra nhiều ý tưởng để thực hiện NCKHSPUD.

3. Kết luận

Hiện nay, hầu hết GV và các nhà quản lí đều xác định được tầm quan trọng của hoạt động NCKHSPUD, nhưng hoạt động này chưa được thực hiện một cách đồng bộ ở tất cả các trường tiểu học ở thành phố Cao Lãnh vì những khó khăn chủ quan, khách quan chúng tôi đã phân tích ở trên. Đây là cơ sở để người cán bộ quản lí sớm đưa ra những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn của GV cũng như góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thông qua hoạt động NCKHSPUD ở trường tiểu học. □

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

[2] Nguyễn Lăng Bình (2010). *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.* NXB Đại học Sư phạm.

[3] James W. Stigler - James Hiebert (Phan Minh Toàn Thư dịch, 2012). *Lỗ hổng giảng dạy.* NXB Trẻ.

[4] Trần Kiểm (2010). *Khoa học Tổ chức và quản lí trong giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm.

[5] Phạm Viết Vượng (2004). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Xem tiếp trang 56)

NVSP thường xuyên cho SV. Xây dựng kế hoạch rèn NVSP cụ thể, xác định rõ nội dung, các kĩ năng cần rèn, đặt ra các yêu cầu cụ thể, phát huy tính năng động, sáng tạo của SV. Tổ chức rèn luyện NVSP bằng nhiều hình thức: rèn luyện NVSP cấp khoa, cấp trường, rèn luyện NVSP tại các trường thực hành; rèn luyện NVSP qua các hội thảo, ngoại khóa, hội thi NVSP các cấp. Nhà trường đã chỉ đạo GV Tổ Tâm lí Giáo dục, các GV các khoa tập trung rèn cho SV hệ thống kĩ năng dạy học: soạn giáo án; lập kế hoạch và làm công tác chủ nhiệm lớp; sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; viết bảng; thuyết trình; tổ chức hoạt động Đoàn, Đội; xử lí các tình huống sư phạm và thực hiện KNM - là những kĩ năng có liên quan đến sử dụng ngôn ngữ, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử áp dụng vào việc giao tiếp giữa người và người. Mặc dù, trước khi đi TTSP, SV đã được trang bị kiến thức, kĩ năng khác nhau để phục vụ hoạt động giáo dục và dạy học. Tuy nhiên, khi đi TTSP đối tượng làm việc của SV rất đa dạng và nhiều thành phần khác nhau như: thầy cô hướng dẫn, giáo viên trong trường thực tập, học sinh, các bạn cùng nhóm cùng đoàn... Vì thế, nếu SV được trang bị để hình thành các KNM cần thiết thì sẽ góp phần cho việc thích nghi nhanh chóng với môi trường mới này. Nhà trường lựa chọn các kĩ năng đặc thù, phù hợp để giúp SV thực hiện tốt nhiệm vụ TTSP, như: tự nhận thức, giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, tìm kiếm sự hỗ trợ, ứng phó với cảm xúc căng thẳng, giải quyết vấn đề có hiệu quả, hiểu đối tượng học sinh...

Biện pháp trang bị các KNM cần thiết cho SV sư phạm:

+ Thiết kế chương trình rèn KNM lồng ghép vào các môn Tâm lí giáo dục, Rèn nghiệp vụ, các học phần Phương pháp dạy học bộ môn.

+ Thông qua các hoạt động tập thể, hoạt động của Đoàn...

+ Thông qua thi NVSP các cấp.

+ GV cần sử dụng phương pháp dạy học tích cực, tổ chức giờ học sinh động để giúp SV được học hỏi, ứng dụng vào hoạt động giảng dạy của mình khi đi TTSP.

+ Tổ chức đoàn cán bộ trong Ban chỉ đạo đi thăm và kiểm tra TTSP để nắm bắt, hỗ trợ, tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ, kịp thời giải quyết các khó khăn nảy sinh trong quá trình SV thực tập.

- Sau mỗi đợt TTSP, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết để đánh giá rút kinh nghiệm về toàn bộ quá trình TTSP. Qua hội nghị, Nhà trường đã thu được những kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình triển khai thực tập, kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung, thời lượng, quy trình, tài liệu TTSP đáp ứng yêu cầu đổi mới GD-ĐT.

3. Kết luận

Với các nỗ lực đổi mới công tác TTSP của Trường CĐSP Bắc Ninh, các trường phổ thông đều đánh giá cao về kết

quả TTSP, nhiều trường khẳng định công tác TTSP, nhất là việc tăng cường rèn NVSP cho SV có nhiều đổi mới và đạt hiệu quả cao. Năm học 2016-2017, nhà trường đã tổ chức tốt công tác TTSP, 100% SV được xếp loại khá, giỏi; kết quả đó là điều kiện cơ bản để đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn của giáo dục.

Như vậy, có thể khẳng định rằng hình thức SV được gửi đến các cơ sở thực tập để tiến hành thực tập nhằm tăng cường tính chủ động cho SV, tạo điều kiện phát huy được vai trò tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm của SV Trường CĐSP Bắc Ninh là đúng hướng và hiệu quả tốt, đáp ứng yêu cầu của đổi mới GD-ĐT hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 6290/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT phê duyệt Chương trình phát triển ngành sư phạm và các trường sư phạm từ năm 2011 đến năm 2020.*

[2] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT ngày 1/8/2003 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy.*

[3] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

[4] Bộ GD-ĐT (2015). *Kỉ yếu hội thảo: Nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các trường sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.*

[5] Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh. *Báo cáo tổng kết công tác thực hành, thực tập năm học 2015-2016 và năm học 2016-2017.*

[6] Hà Thế Truyền (2010). *Quản lí nhà trường. Học viện Quản lí giáo dục.*

[7] Tô Xuân Giáp (1997). *Phương tiện dạy học.* NXB Giáo dục.

Thực trạng nghiên cứu khoa học...

(Tiếp theo trang 53)

[6] Nguyễn Thị Như Quyến. *Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường phổ thông trong bối cảnh hiện nay.* Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia “Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục”, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, tr 181-188. NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, tháng 6/2016.

[7] Nguyễn Thị Phương Loan - Hoàng Thu Thủy (2016). *Một số biện pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học ứng dụng của cán bộ, giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn.* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11/2016.